TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHI SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 7 - 2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Cúc.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông : Lê Thế Hải
2. Ông: Trương Văn Bắc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Viết Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Duyến – Kiểm sát viên .

Ngày 01 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 5 năm 2022 Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST, ngày 10/6/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T- Sinh năm: 1993 – Có mặt
HKTT: Thôn Lâm Q, xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn, Thanh Hóa
Nơi ở hiện nay: thôn Thế Vinh, xã Tùng L, thị xã Nghi S, Thanh H
Bị đơn: Anh Trần Thế H- Sinh năm 1992 – Vắng mặt.
Địa chỉ: thôn Lâm Q, xã Tân Tr, thị xã Nghi S, Thanh H;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa chị Lê Thị T trình bày như sau: Chị và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Tr, huyện Tĩnh G nay là xã Tân Tr, thị xã Nghi S vào ngày 10/12/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H chơi bời, không có trách nhiệm với vợ con, cuộc sống không hạnh phúc, sau khi anh H đi chấp hành án xong thì vợ chồng thường xuyên nghi nghờ nhau, không có niềm tin. Chị và anh H sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu: Trịnh Thế Đức C - sinh ngày: 04/12/2014. Nay ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi cháu C về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan điểm của anh Trịnh Thế H: Quá trình giải quyết vụ án đã nhiều lần Tòa án triệu tập anh H lên làm việc nhưng anh H cố tình trốn tránh không lên làm việc vì vậy Tòa án không thể lấy lời khai hay nguyện vọng của anh Trịnh Thế H được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án về phía bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của BLTTDS. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 51, 56, khoản 2 Điều 81, 82, 83Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị T; Xử cho chị T được ly hôn với anh Trịnh Thế H. Về con chung; Giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Chấp nhận nguyện vọng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị T. Anh H được quyền lui tới thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản; Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét; Về án phí buộc chị T phải chịu án phí DSST về việc hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Lê Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trịnh là tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn hiện đang cư trú trên địa bàn thị xã Nghi Sơn nên TAND Thị xã Nghi Sơn có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án nhưng anh H cố tình trốn tránh, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bản thân. Tòa án đã tiến hành xác minh bà Trần Thị Lan là mẹ đẻ anh H và ông Lường Văn Sỹ, trưởng thôn Lâm Quảng, xã Tân Trường. Cả bà Lan và ông Sỹ đều xác nhận anh H đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án nhưng anh H không muốn ly hôn nên cố tình trốn tránh. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết tại địa phương nơi cư trú của anh H theo đúng theo quy định vì vậy HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia vào ngày 10/12/2012 nên được công nhận là hôn nhân đúng pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Do anh H cố tình trốn tránh nên Tòa án không thể làm việc được.

Xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện tình trạng hôn nhân của chị T và anh H sống không hạnh phúc, nguyên nhân khoảng hai năm gần đây anh H ham

chơi, không quan T đến vợ con, kể từ cuối năm 2021 chị T và anh H sống ly thân nhau. Chính bản thân mẹ anh H cũng thừa nhận giữa anh H và chị T thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc.

Xét về phần trình bày của chị T và qua xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh H, HĐXX nhận thấy như sau: chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn thấy lời trình bày của chị T là hoàn toàn chính xác điều này chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của chị T và anh H không hạnh phúc vì vậy HĐXX xét thấy nếu có kéo dài cũng không có hạnh phúc vì vậy cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị T là có căn cứ, phù hợp với các Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung cháu Trịnh Thế Đức C - sinh ngày: 04/12/2014. Cháu C có nguyện vọng ở với mẹ.

Xác minh tại địa phương khẳng định chị T và anh H có một con chung như chị T ttrình bày là đúng. Xét nguyện vọng của chị T muốn nuôi cháu, phù hợp với nguyện vọng của cháu hơn nữa vì vậy HĐXX xét thấy cần thiết phải giao cháu cho chị T nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy đây là ý chí tự nguyện của chị T nên HĐXX chấp nhận. Anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, chị T không được ngăn cấm. Trong trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T được quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

[4] Về tài sản: Quá trình giải quyết các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản và công nợ chung nên HĐXX không xem xét và giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều147, điểm b khoản 2 Điều 227,khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS; Căn cứ vào các Điều 51, 56; khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị T

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Trịnh Thế H.

2. Về con chung: Chị T và anh H có một con chung cháu Trịnh Thế Đức C - sinh ngày: 04/12/2014. Giao cháu C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, chị T không được ngăn cấm. Trong trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T được quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H.

3. Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0012095 ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị T, vắng mặt anh H. Chị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử lại theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- CC.THA-DS thị xã Nghi Sơn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND Tân Trường, TX. Nghi Sơn, Thanh Hóa
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Cúc